

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 30/2022/HC-ST
Ngày 30/11/2022
V/v: Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Nâu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích;
2. Ông Đặng Thiên Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Giáp Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24/8 và ngày 23, 28, 30/9 và ngày 30/11/2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 06/2022/TLST-HC ngày 24/02/2022, về việc: Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2022/QĐST-HC ngày 25/6/2022, giữa:

Người khởi kiện: Bà Triệu Thị C, sinh năm 1958; địa chỉ: Phố X, thị trấn P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang, bà C ủy quyền cho ông Triệu Ngọc T, sinh năm 1959; địa chỉ: Bản Q, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang, có mặt.

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang do ông Nguyễn Ngọc S1, chức vụ: Chủ tịch đại diện theo pháp luật, ông S1n ủy quyền cho ông Nguyễn Văn T, chức vụ: Phó Chủ tịch (Quyết định ủy quyền số 155/QĐ-UBND ngày 23/8/2022), vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Văn Q, chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Y, tỉnh Bắc Giang và ông Đặng Thái S2, chức vụ: Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Ông Q có mặt tại phiên tòa ngày 28/9, vắng mặt tại phiên tòa ngày 24/8 và ngày 23/9/2022; ông S2, ông Q có mặt tại phiên tòa ngày 30/9/2022, vắng mặt tại phiên tòa ngày 30/11/2022.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Bắc Giang do ông Lê Việt Q, chức vụ: Chi cục trưởng đại diện theo pháp luật, vắng mặt.

- UBND xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang do ông Đặng Chí Ng, chức vụ: Chủ tịch đại diện theo pháp luật, vắng mặt.

- Cụ Hoàng Thị M, sinh năm 1944; bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1974; anh Triệu Tuấn V, sinh năm 1993 và anh Triệu Bảo M, sinh năm 2007 do bà Nguyễn Thị H là người đại diện theo pháp luật; cùng địa chỉ: Phố T, thị trấn B, huyện Y, tỉnh Bắc Giang, có đơn đề nghị xét xử mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 02/12/2021, bản tự khai và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Năm 2013, bà Triệu Thị C có ủy quyền cho em trai là ông Triệu Ngọc T làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSD đất) đối với diện tích đất của gia đình bà tự khai phá tại bản R, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Năm 2014, bà Triệu Thị C được UBND huyện Y cấp giấy GCNQSD đất đối với diện tích 20873,1m² tại thửa đất số 128, tờ bản đồ số 41; địa chỉ thửa đất Bản R, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Mục đích sử dụng đất rừng sản xuất. Thời hạn sử dụng năm 2044. Sau đó bà đã giao cho em trai là ông Triệu Ngọc T trông cây, chăm sóc, bảo vệ từ đó cho đến nay.

Đến năm 2021, bà được gia đình báo tin cho biết, diện tích đất trên đã bị cơ quan Thi hành án huyện Y đến làm thủ tục cưỡng chế thi hành án. Bởi vì diện tích 20873,1m² đã đứng tên anh Triệu Ngọc C địa chỉ phố T, thị trấn B, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Bà có tìm hiểu thì được biết, năm 2014 sau khi nhận được GCNQSD đất, ông Triệu Ngọc T đã gửi ông Triệu Ngọc C để đưa cho bà nhưng sau đó ông C đã đi làm thủ tục chuyển GCNQSD đất sang tên ông C như thế nào bà không được biết.

Sau khi biết sự việc, bà đã làm đơn gửi các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để giải quyết. Đến tháng 10/2021, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Y cung cấp cho bà toàn bộ hồ sơ liên quan đến diện tích 20873,1m², gồm:

- GCNQSD đất mang tên hộ bà Triệu Thị C, số phát hành BR449578, vào sổ cấp CH 00977 cấp ngày 28/4/2014 theo Quyết định số 1155/QĐ-UBND ngày 09/12/2013 đối với diện tích 20873,1m² tại thửa đất số 128, tờ bản đồ số 41; địa chỉ thửa đất Bản R, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (sau đây viết tắt là Quyết định số 1155). Hình thức sử dụng riêng. Mục đích sử dụng đất rừng sản xuất. Thời hạn sử dụng năm 2044.

- GCNQSD đất mang tên hộ ông Triệu Ngọc C, số phát hành BX760615, vào sổ cấp CH 1542 cấp ngày 19/4/2015 theo Quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 08/4/2015 đối với diện tích 20873,1m² tại thửa đất số 128, tờ bản đồ số 41; địa chỉ thửa đất Bản R, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (sau đây viết tắt là Quyết định số 340). Hình thức sử dụng riêng. Mục đích sử dụng đất rừng sản xuất. Thời hạn sử dụng năm 2063.

Tuy nhiên, tất cả các chữ ký và chữ viết tên Triệu Thị C trong biên bản làm việc, đơn xin đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất trong hồ sơ chuyển đổi từ bà sang GCNQSD đất mang tên Triệu Ngọc C là giả mạo, không phải chữ ký của bà, bà chưa bao giờ chuyển nhượng cho ai.

Nay bà khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Yêu cầu UBND huyện Y thu hồi và hủy GCNQSD đất mang tên hộ ông Triệu Ngọc C, số phát hành BX760615, vào sổ cấp CH 1542 cấp ngày 19/4/2015 và Quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 08/4/2015 đối với diện tích 20873,1m² tại thửa đất số 128, tờ bản đồ số 41; địa chỉ thửa đất Bản R, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- Yêu cầu UBND huyện Y tiến hành các thủ tục để cấp lại GCNQSD đất mang tên bà Triệu Thị C, đối với diện tích 20873,1m² tại thửa đất số 128, tờ bản đồ số 41; địa chỉ thửa đất Bản R, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

UBND huyện Y do ông Nguyễn Văn T, chức vụ: Phó Chủ tịch đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Ngày 28/4/2014, UBND huyện Y cấp GCNQSD đất mang tên bà Triệu Thị C đối với diện tích 20873,1m² tại thửa đất số 128, tờ bản đồ số 41; địa chỉ thửa đất Bản R, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Ngày 08/4/2015, UBND huyện Y ban hành Quyết định số 340 là trên cơ sở đơn đề nghị của bà Triệu Thị C và ông Triệu Ngọc C vì có sai sót trong quá trình lập hồ sơ cấp sai chủ sử dụng đất nên đề nghị thu hồi và cấp đổi lại GCNQSD đất theo Biên bản làm việc ngày 18/02/2015 của UBND xã T và Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất ngày 26/3/2015 của bà Triệu Thị C.

Vì vậy, UBND huyện ban hành Quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 08/4/2015 và đã cấp GCNQSD đất mang tên hộ ông Triệu Ngọc C, số phát hành BX760615, vào sổ cấp CH 1542 cấp ngày 19/4/2015.

Quan điểm của ông đề nghị Tòa án xem xét thời hiệu khởi kiện của bà C và cho giám định chữ ký của bà C tại Biên bản làm việc ngày 18/02/2015 của UBND xã T và Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất ngày 26/3/2015 của bà Triệu Thị C để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Tại biên bản đối thoại bà Nguyễn Thị H trình bày: Việc ông Triệu Ngọc C và gia đình bà được cấp GCNQSD đất gia đình bà chỉ biết và quản lý. Trên thực tế gia đình bà chưa bao giờ trồng cây hay sử dụng thửa đất này. Nay quan điểm của bà là đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Bắc Giang do ông Lê Việt Q, chức vụ: Chi cục trưởng đại diện theo pháp luật trình bày: Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y đã tổ chức cưỡng chế kê biên tài sản của người phải thi hành án là ông Triệu Ngọc C đã chết chuyển giao quyền và nghĩa vụ cho bà Nguyễn Thị H, tài sản kê biên gồm: Quyền sử dụng đất mang tên ông Triệu Ngọc C, số phát hành sổ BX 760615, diện tích 20873,1m². Mục đích sử dụng đất rừng sản xuất. Thời hạn sử dụng năm 2063, thuộc thửa đất số 128, tờ bản đồ số 41; địa chỉ thửa đất Bản R (nay là bản Q), xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Việc bà Triệu Thị C yêu cầu Tòa án giải quyết hủy GCNQSD đất mang tên hộ ông Triệu Ngọc C, số phát hành BX760615, vào sổ cấp CH 1542 cấp ngày 19/4/2015 đối với diện tích đất nêu trên, đề nghị TAND tỉnh Bắc Giang giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa người khởi kiện và người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện thay đổi một phần nội dung yêu cầu khởi kiện, cụ thể xin được rút yêu cầu buộc UBND huyện Y làm các thủ tục để cấp lại GCNQSD đất mang tên bà

Triệu Thị C, đối với diện tích 20873,1m² tại thửa đất số 128, tờ bản đồ số 41; địa chỉ thửa đất Bản R, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Các đương sự vắng mặt đã được Tòa án công bố lời khai tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện UBND huyện Y trình bày quan điểm: UBND huyện Y đã nhận được quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ do Tòa án yêu cầu. Ty nhiên, các tài liệu nêu trên hiện nay UBND huyện Y và các cơ quan chức năng không còn lưu trữ được nên không cung cấp được cho Tòa án, đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tham gia phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính. Đương sự vắng mặt đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là đúng quy định.

Sau khi phân tích yêu cầu khởi kiện và tài liệu, chứng cứ, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm b khoản 1 Điều 143, 144, 164, 165; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 204, 206 và khoản 1 Điều 348 Luật tố tụng hành chính.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Triệu Thị C:

- Hủy GCNQSD đất mang tên hộ ông Triệu Ngọc C, số phát hành BX760615, vào sổ cấp CH 1542 cấp ngày 19/4/2015 và Quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 08/4/2015 đối với diện tích 20873,1m² tại thửa đất số 128, tờ bản đồ số 41; địa chỉ thửa đất Bản R, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- Đình chỉ đối với yêu cầu: Buộc UBND huyện Y làm các thủ tục để cấp lại GCNQSD đất mang tên bà Triệu Thị C, đối với tích 20873,1m² tại thửa đất số 128, tờ bản đồ số 41; địa chỉ thửa đất Bản R, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- Về án phí, quyền kháng cáo: Đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thời hiệu khởi kiện vụ án: Ngày 08/4/2015, UBND huyện Y ban hành Quyết định số 340/QĐ-UBND, về việc thu hồi và cấp đổi giấy chứng nhận QSDĐ cho hộ gia đình cá nhân đang sử dụng đất tại xã T và ngày 19/4/2015, UBND huyện Y cấp GCNQSD đất mang tên hộ ông Triệu Ngọc C, số phát hành BX760615, vào sổ cấp CH 1542 đối với diện tích 20873,1m² tại thửa đất số 128, tờ bản đồ số 41; địa chỉ thửa đất Bản R, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Theo bà Triệu Thị C khai, đến năm 2021, bà được gia đình báo tin cho biết, diện tích đất nêu trên đã bị cơ quan Thi hành án huyện Y đến làm thủ tục cưỡng

chế thi hành án, vì diện tích 20873,1m² đã đứng tên ông Triệu Ngọc C địa chỉ phố T, thị trấn B, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Sau khi biết sự việc, bà đã làm đơn gửi các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xem xét, giải quyết. Đến tháng 10/2021, Chi nhánh văn phòng Đăng ký đất đai huyện Y cung cấp cho bà bộ hồ sơ liên quan đến việc cấp GCNQSD đối với diện tích 20873,1m².

Không đồng ý với Quyết định số 340 và việc cấp GCNQSDĐ nêu trên nên bà đã làm đơn khởi kiện ra TAND tỉnh Bắc Giang để xem xét, giải quyết.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính 2015, bà Triệu Thị C nộp đơn khởi kiện trong thời hiệu 01 năm kể từ ngày nhận được, biết được quyết định hành chính, hành vi hành chính nên HĐXX chấp nhận để xem xét, giải quyết theo quy định.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Triệu Thị C yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 340 và GCNQSD đất do UBND huyện Y cấp ngày 19/4/2015 cho hộ ông Triệu Ngọc C, số phát hành BX760615, vào sổ cấp CH 1542 đối với diện tích 20873,1m² tại thửa đất số 128, tờ bản đồ số 41; địa chỉ thửa đất Bản R, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Người khởi kiện và người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện, do không đồng ý với Quyết định số 340 và việc cấp GCNQSDĐ nêu trên nên bà C đã làm đơn khởi kiện ra TAND tỉnh Bắc Giang để xem xét, giải quyết và cam đoan về việc không đồng thời khiếu nại đến người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30 và khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính 2015, đây là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND tỉnh Bắc Giang.

[1.3]. Về việc xác định người tham gia tố tụng trong vụ án: Ông Triệu Ngọc C, sinh năm 1966 (đã chết ngày 12/6/2021) trước khi bà Triệu Thị C làm đơn khởi kiện ngày 02/12/2021 và trước khi Tòa án thụ lý vụ án số 06/2022/TLST-HC ngày 24/02/2022.

Do ông Triệu Ngọc C đã chết nên Tòa án có đưa cụ Hoàng Thị M là mẹ đẻ ông C, bà Nguyễn Thị H vợ anh C, anh Triệu Tuấn V, sinh năm 1993 và anh Triệu Bảo M, sinh năm 2007 là con đẻ của ông C do bà Nguyễn Thị H là người đại diện theo pháp luật vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 10 Điều 3 Luật tố tụng hành chính 2015.

[1.4]. Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa xét xử vụ án: Tòa án đã ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử và các văn bản tố tụng để mở phiên tòa xét xử vụ án và đã giao, tổng đạt cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các đương sự gồm: Người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện có mặt; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện ông Q có mặt tại phiên tòa ngày 28/9, vắng mặt tại phiên tòa ngày 24/8 và ngày 23/9/2022, ông S2, ông Q có mặt tại phiên tòa ngày 30/9/2022, vắng mặt tại phiên tòa ngày 30/11/2022; người đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện và các đương sự khác trong vụ án vắng mặt. HĐXX căn cứ vào Điều 157, 158 Luật tố tụng hành chính 2015, tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung: Bà Triệu Thị C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 08/4/2015 và GCNQSD đất do UBND huyện Y cấp ngày 19/4/2015 cho hộ ông Triệu Ngọc C, số phát hành BX760615, vào sổ cấp CH 1542 đối với diện tích 20873,1m² tại thửa đất số 128, tờ bản đồ số 41; địa chỉ thửa đất Bản R, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- Về nguồn gốc thửa đất và diễn biến vụ việc: Theo bà Triệu Thị C khai nguồn gốc diện tích 20873,1m² tại thửa đất số 128, tờ bản đồ số 41; địa chỉ thửa đất Bản R, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang là của gia đình bà tự khai phá.

Năm 2013, bà C có uỷ quyền cho em trai là ông Triệu Ngọc T làm thủ tục cấp GCNQSD đất đối với diện tích đất này nên ngày 28/4/2014 bà được UBND huyện Y cấp giấy GCNQSD đất đối với diện tích 20873,1m² tại thửa đất số 128, tờ bản đồ số 41; địa chỉ thửa đất Bản R, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Mục đích sử dụng đất rừng sản xuất. Thời hạn sử dụng năm 2044.

Sau đó bà đã giao cho em trai là ông Triệu Ngọc T trồng cây, chăm sóc, bảo vệ từ đó cho đến nay.

Bà khẳng định chưa bao giờ bà chuyển nhượng diện tích đất nêu trên cho ông Triệu Ngọc C nên tất cả các chữ ký và chữ viết tên Triệu Thị C trong biên bản làm việc, đơn xin đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất trong hồ sơ chuyển đổi từ bà sang tên ông C do UBND huyện Y cấp ngày 19/4/2015, số phát hành BX760615, vào sổ cấp CH 1542 đối với diện tích 20873,1m² tại thửa đất số 128, tờ bản đồ số 41; địa chỉ thửa đất Bản R, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang là giả mạo, không phải chữ ký của bà.

- Về thẩm quyền cấp GCNQSDĐ: UBND huyện Y ban hành Quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 08/4/2015 và cấp GCNQSD đất ngày 19/4/2015 cho hộ ông Triệu Ngọc C nêu trên là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 Luật đất đai năm 2013.

- Về trình tự, thủ tục và căn cứ cấp GCNQSDĐ: Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án do người khởi kiện cung cấp, thể hiện:

Ngày 18/02/2015, UBND xã T lập biên bản làm việc, thành phần gồm có: Đại diện UBND xã, đại diện bản R, đại diện hộ gia đình cá nhân sử dụng đất có ông Triệu Ngọc C và bà Triệu Thị C. Nội dung: Nguồn gốc diện tích 20873,1m² tại thửa đất số 128, tờ bản đồ số 41; địa chỉ thửa đất Bản R, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang đã được UBND huyện Y cấp cho bà Triệu Thị C ngày 28/02/2014 có nguồn gốc của gia đình ông khai phá, sử dụng từ năm 1980. Năm 2008 do có sự nhầm lẫn trong đo đạc lập hồ sơ địa chính nên dẫn đến nhầm tên chủ sử dụng đất. Nay chúng tôi T đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét cấp đổi lại tên chủ sử dụng đất bà Triệu Thị C sang ông Triệu Ngọc C.

Ngày 26/3/2015, bà Triệu Thị C có đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất đối với diện tích 20873,1m² tại thửa đất số 128, tờ bản đồ số 41; địa chỉ thửa đất Bản R, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Tại đơn đăng ký thể hiện lý do đăng ký biến động: Tên chủ sử dụng đất trên giấy CNQSD đất là hộ bà Triệu Thị Cung trú tại bản R, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Do có sự sai sót trong quá trình lập hồ sơ nay xin cấp đổi lại tên chủ sử dụng là ông Triệu Ngọc C trú tại bản R, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà C cung cấp cho Toà án bản sao không ghi ngày, tháng năm có đóng dấu treo của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Y đối với Biên bản làm việc do UBND xã T lập ngày 18/02/2015 và Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất ngày 26/3/2015. Bà C cho rằng chữ ký trong các tài liệu nêu trên không phải là của bà nên ngày 24/6/2022 người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện đề nghị Toà án tiến hành việc trưng cầu giám định chữ ký: “Cung – Triệu Thị C” trong các tài liệu nêu trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 31/5/2022, Thẩm phán đã ban hành Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 08/2022/QĐ-CCTLCC, yêu cầu UBND huyện Y cung cấp các tài liệu, chứng cứ: Hồ sơ cấp giấy CNQSDĐ mang tên hộ ông Triệu Ngọc C đối với diện tích đất nêu trên và văn bản trình bày ý kiến của người khởi kiện.

Để thực hiện thủ tục tiến hành trưng cầu giám định, ngày 11/7/2022, Thẩm phán tiếp tục ban hành Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 11/2022/QĐ-CCTLCC, yêu cầu: UBND huyện Y cung cấp các tài liệu, chứng cứ bản gốc Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất ngày 26/3/2015 và Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 11/2022/QĐ-CCTLCC, yêu cầu: UBND xã T cung cấp bản gốc Biên bản làm việc do UBND xã T lập ngày 18/02/2015.

Ngày 22/9/2022, Chủ tịch UBND xã T có Báo cáo số 130/BC-UBND về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ. Nội dung báo cáo thể hiện, qua kiểm tra hồ sơ lưu trữ tại UBND xã qua các thời kỳ, nay UBND xã không tìm thấy bản gốc biên bản làm việc nêu trên.

Đối với UBND huyện Y sau khi nhận được các văn bản thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp giao nộp, kiểm tra, tiếp cận và công khai chứng cứ và đối thoại cũng như các quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ của Toà án đã không cung cấp tài liệu cho Toà án. Tại phiên toà ngày 23/9/2022, ông Đặng Thái S2, chức vụ: Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Y, tỉnh Bắc Giang là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND huyện Y khẳng định: Đến nay UBND huyện Y và cơ quan chức năng không tìm thấy bản gốc Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất ghi ngày 26/3/2015 để cung cấp, giao nộp cho Toà án.

HĐXX xét thấy: Căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật tố tụng hành chính năm 2015, quy định: “1. Các đương sự có quyền và nghĩa vụ chủ động thu thập, giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Toà án và chứng minh yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp”.

Vì vậy, UBND huyện Y có nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ theo quy định tại Điều 9 và Điều 10 Luật tố tụng hành chính để chứng minh cho việc ban hành Quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 08/4/2015 và cấp GCNQSD đất ngày 19/4/2015 cho hộ ông Triệu Ngọc C là hợp pháp nhưng UBND xã T và UBND huyện Y không cung cấp được cho Toà án các tài liệu, chứng cứ nêu trên để xác định căn cứ xác lập quyền sử dụng đất cho ông Triệu Ngọc C thuộc trường hợp nào theo quy định tại Điều 688 và Điều 689 BLDS năm 2005 và khoản 5 Điều 202 Luật đất đai năm 2013 nên HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Triệu Thị C

huỷ Quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 08/4/2015 và GCNQSD đất cấp ngày 19/4/2015 cho hộ ông Triệu Ngọc C như ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tại phiên tòa đề nghị.

[3]. Theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 191 Luật tổ tụng hành chính, HĐXX xem xét tính hợp pháp của quyết định hành chính có liên quan là: GCNQSD đất mang tên hộ bà Triệu Thị C, số phát hành BR449578, vào sổ cấp CH 00977 cấp ngày 28/4/2014 theo Quyết định số 1155/QĐ-UBND ngày 09/12/2013 đối với diện tích 20873,1m² tại thửa đất số 128, tờ bản đồ số 41; địa chỉ thửa đất Bản R, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

[3.1]. Về thẩm quyền cấp GCNQSDĐ: UBND huyện Y ban hành Quyết định số 1155 và GCNQSD đất số phát hành BR449578, vào sổ cấp CH 00977 cấp ngày 28/4/2014 cấp cho hộ bà Triệu Thị C nêu trên là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013.

[3.2]. Về trình tự, thủ tục và căn cứ cấp GCNQSDĐ: Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án do người khởi kiện cung cấp, thể hiện:

Ngày 12/6/2013, bà Triệu Thị C có đơn đề nghị cấp GCNQSD đất, tài sản gắn liền với đất đối với diện tích 20873,1m² tại thửa đất số 128, tờ bản đồ số 41; địa chỉ thửa đất Bản R, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Tại đơn đăng ký biến động thể hiện người viết đơn: “KT: T - Triệu Ngọc T”. Tại phiên tòa, ông T thừa nhận khi làm đơn và làm thủ tục để cấp giấy CNQSD đất, bà C chỉ uỷ quyền cho ông bằng miệng mà không có bất cứ văn bản uỷ quyền nào.

Đơn đề nghị cấp GCNQSD đất, tài sản gắn liền với đất thể hiện cấp cho hộ gia đình nhưng thủ tục cấp không thể hiện hộ gia đình gồm những ai nên việc xác định căn cứ để xác lập quyền sử dụng đất cho bà C thuộc trường hợp nào theo quy định tại Điều 688 BLDS năm 2005 nên việc UBND huyện Y GCNQSD đất, tài sản gắn liền với đất nêu trên là chưa đảm bảo các quy định của pháp luật. Vì vậy, HĐXX huỷ Quyết định số 1155 và GCNQSD đất số phát hành BR449578, vào sổ cấp CH 00977 cấp ngày 28/4/2014 cấp cho hộ bà Triệu Thị C như ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tại phiên tòa đề nghị.

[4]. Tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện rút yêu cầu: Buộc UBND huyện Y tiến hành các thủ tục để cấp lại GCNQSD đất mang tên bà Triệu Thị C, đối với tích 20873,1m² tại thửa đất số 128, tờ bản đồ số 41; địa chỉ thửa đất Bản R, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

HĐXX xét thấy, việc rút yêu cầu trên là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 143, 144, 164, 165 Luật tổ tụng hành chính nên HĐXX đình chỉ đối với yêu cầu này.

[5]. Về án phí hành chính sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của bà Triệu Thị C được chấp nhận nên UBND huyện Y phải chịu tiền án phí hành chính sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Luật tổ tụng hành chính và Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 204, 206 Luật tổ tụng hành chính.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm b khoản 1 Điều 143, Điều 144, Điều 164, Điều 165, điểm đ khoản 3 Điều 191, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 205, Điều 206, khoản 1 Điều 348 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015.

Căn cứ Điều 688 và Điều 689 của BLDS năm 2005; điểm c khoản 2 Điều 106, khoản 5 Điều 202 Luật đất đai năm 2013.

Căn cứ Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Triệu Thị C:

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BX760615, vào sổ cấp GCN:CH 1542 cấp ngày 19/4/2015 cho người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ông Triệu Ngọc C, đối với diện tích 20873,1m², thửa đất số 128, tờ bản đồ số 41; địa chỉ: Bản R, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- Hủy Quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 08/4/2015 của UBND huyện Y, về việc thu hồi và cấp đổi giấy chứng nhận QSDĐ cho hộ gia đình cá nhân đang sử dụng đất tại xã T.

- Đình chỉ đối với yêu cầu buộc UBND huyện Y tiến hành các thủ tục để cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Triệu Thị C, đối với tích 20873,1m² tại thửa đất số 128, tờ bản đồ số 41; địa chỉ thửa đất Bản R, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- Hủy GCNQSD đất mang tên hộ bà Triệu Thị C, số phát hành BR449578, vào sổ cấp CH 00977 cấp ngày 28/4/2014 và Quyết định số 1155/QĐ-UBND ngày 09/12/2013 đối với diện tích 20873,1m² tại thửa đất số 128, tờ bản đồ số 41; địa chỉ thửa đất Bản R, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Buộc UBND huyện Y phải chịu 300.000đ tiền án phí hành chính sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc đã tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Đối với trường hợp đương sự đã tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- UBND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự ;
- Lưu: HS, THC.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Văn Nâu